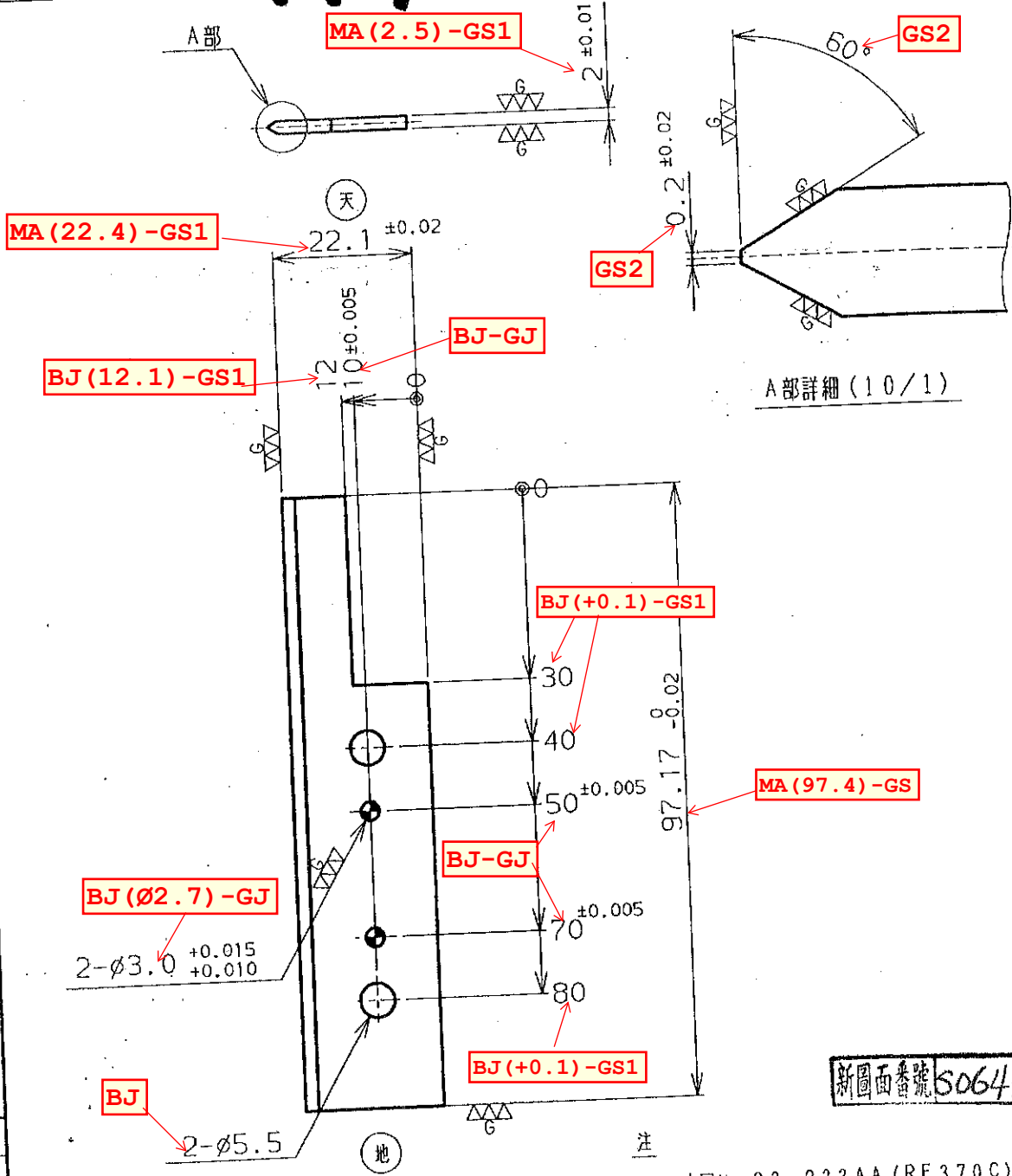


MVA

訂正	改番	日付	記	事	担当	削り加工普通寸法公差	
	△	94.05.19	図面をC/D化する。		-	0.5以上6以下	±0.1
	△	-	-		-	6より30	±0.2
	△	-	-		-	30~120	±0.3
	△	-	-		-	120~315	±0.5

11/13




新図面番號 5064353

1. 本図は、23-233AA (RF370C) に適用する。

GIA NHIỆT LÒ CHÂN KHÔNG  
Chú ý: kiểm tra độ cong chi tiết trước khi gia nhiệt

切替部品

機 械 名		部 品 名		材 質	数 量	尺 寸
BVM-4		導板 (2)		SK	1	1/1 (10/1)
機 械 番 号		部 分 番 号	部 品 番 号	熱 処 理	 設計 中島 (啓) 製図 中島 (啓) 90.02.26 94.05.10 日付 校図	
90201-CA1-021-00				HRC 58~62		
				表 面 処 理		
				SOB		
		RF370C				

Ter 120 x 105

マブチモーター株式会社

SNO: **S064353**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKS3</b> <b>T4*28*103</b>	AA:20 MA:30 BJ:30 HT:40 GS1:120 GJ:90 GS2:30 AF:10 AB:10 KT